

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

Dự toán mua sắm: Dự án “Xây dựng mô hình phát triển giống lúa chất lượng cao, kháng bệnh bạc lá BT7KBL-02 phục vụ sản xuất lúa gạo hàng hóa tại Phú Thọ”.

Tên gói thầu: “Cung cấp giống, phân bón và thuốc BVTV”.

Tên chủ đầu tư: Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm

Thời gian thực hiện gói thầu: 270 ngày.

Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách nhà nước.

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng.

Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.

Loại hợp đồng: Trọn gói.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

- Hàng hóa được sản xuất mới năm 2024.
- Chất lượng: mới 100% chưa qua sử dụng theo yêu cầu cụ thể tiêu chuẩn chất lượng các thiết bị quy định cụ thể ở chương này.
- Nhà thầu phải nêu rõ: Ký mã hiệu/ Nhãn mác sản phẩm, Tên nhà sản xuất, Xuất xứ và nguồn gốc hàng hóa hợp pháp theo yêu cầu của HSMT
- Yêu cầu về vận chuyển: Nhà thầu phải cam kết sẽ cung cấp hàng hóa đến từng địa điểm tham gia mô hình và phải đảm bảo tiến độ của chung của dự án cũng như các yêu cầu đột xuất của Chủ đầu tư. Việc cung ứng hàng hóa phải đảm bảo đúng kỹ thuật, mỹ thuật và an toàn. Nhà thầu tự chịu toàn bộ chi phí và rủi ro có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển và bàn giao hàng hóa.
- Yêu cầu nhà thầu tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và **cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.**

Bảng Yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Giống lúa BT7KBL-02	Giống lúa BT7KBL-02 Cấp hạt: Xác nhận 1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>Các chỉ tiêu độ thuần giống và cỏ dại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ thuần ruộng giống, không nhỏ hơn: 99,5%/số cây - Cỏ dại nguy hại, không lớn hơn: 10/100m² <p>Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn: 99,0% - Hạt khác giống có thể phân biệt được, % số hạt, không lớn hơn: 0,3 - Hạt cỏ dại nguy hại, số hạt/ kg, không lớn hơn: 10 - Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn: 80,0 - Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn: 13,5 - Quy cách: 40kg (1kg/gói x 40 gói = 40kg)
2	Supe lân	<p>Supe Lân</p> <p>* Chỉ tiêu chất lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng P₂O₅ tự do ≤ 4%; - Hàm lượng P₂O₅ hữu hiệu là ≥ 16%; - Hàm lượng lưu huỳnh (S) là ≥ 10 %; - Độ ẩm ≤ 12,0%. <p>* Quy cách: Đóng trong bao PP. Trọng lượng tịnh: 50kg</p> <p>* Công dụng: dùng làm phân bón cho cây trồng.</p>
3	Kali clorua	<p>Kali</p> <p>* Chỉ tiêu chất lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kali hữu hiệu (K₂O_{hh}) ≥ 61% - Độ ẩm H₂O ≤ 0,5% <p>* Quy cách: Đóng bao 50kg/bao. Đóng trong bao hai lớp, trong PE, ngoài PP</p> <p>* Công dụng: dùng làm phân bón cho cây trồng.</p>
4	NPK 1	<p>Phân NPK</p> <p>* Chỉ tiêu chất lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm tổng số (N_{ts}) ≥ 20% - Lân hữu hiệu (P₂O_{5hh}) ≥ 20% - Kali hữu hiệu (K₂O_{hh}) ≥ 15% - Độ ẩm ≤ 5% <p>* Công dụng: dùng làm phân bón cho cây trồng.</p>
5	NPK 2	<p>Phân NPK</p> <p>* Chỉ tiêu chất lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm tổng số (N_{ts}) ≥ 12% - Lân hữu hiệu (P₂O_{5hh}) ≥ 3% - Kali hữu hiệu (K₂O_{hh}) ≥ 5% - Độ ẩm ≤ 5% <p>* Công dụng: dùng làm phân bón cho cây trồng.</p>
6	Thuốc trừ sâu 1	<p>Thuốc trừ sâu 1:</p> <p>* Tên hoạt chất: Chlorantraniliprole 200g/l</p> <p>* Đối tượng phòng trừ: Sâu đục thân, sâu cuốn lá lúa</p>

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		* Quy cách đóng gói: 7ml/gói * Được phép sử dụng tại Việt Nam
7	Thuốc trừ sâu 2	Thuốc trừ sâu 2: - Tên hoạt chất: Chlorfenapyr 100g/lít + Indoxacarb 40g/lít - Quy cách đóng gói: 30 ml - Đối tượng phòng trừ: Sâu tổng hợp - Được phép sử dụng tại Việt Nam
8	Thuốc trừ sâu 3	Thuốc trừ bệnh: - Tên hoạt chất: Hexaconazole 50g/l - Quy cách đóng gói: 45 ml - Đối tượng phòng trừ: Khô vằn - Được phép sử dụng tại Việt Nam

1.3. Các yêu cầu khác: Nhà thầu phải có nộp các bản cam kết:

+ Đảm bảo số lượng, chủng loại và nguồn gốc hàng hóa hợp pháp khi tham dự thầu.

+ Cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng... của hàng hóa khi có yêu cầu của Chủ đầu tư

+ Thu hồi hàng hoá trong trường hợp hàng hoá đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc không sử dụng được, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.

Mục 2. Bản vẽ: Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Ngay khi nhà thầu vận chuyển, bàn giao hàng hóa tại địa điểm thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm tra sự phù hợp của hàng hóa với các đặc tính kỹ thuật như đã nêu. Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Kiểm tra hàng hóa và các tài liệu, chứng từ chứng từ hợp lệ kèm theo hóa đơn GTGT liên quan tới các sản phẩm hàng hóa bằng các hình thức thông thường như: Bằng mắt, đếm số lượng, đo kích thước ... Nếu quy cách, chất lượng hàng hoá hoặc giấy tờ liên quan không đảm bảo, nhà thầu phải thay đổi khối lượng hàng hóa đảm bảo quy cách, chất lượng với khối lượng tương đương hàng hóa đề nghị thay thế. Mọi chi phí liên quan do nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán.